TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày: 27-4-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hoàng Anh Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: **Hoàng Thị Thào.**

Ông: **Dương Xuân Trường.**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Hứa Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:* Ông **Hoàng Trọng Hữu** và bà **Hoàng Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2023/TLST-HS, ngày 22 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Triệu Văn V, (Tên gọi khác: không có) sinh ngày 03/10/1990, tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn T và bà Lường Thị L; Vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 (Ngày 21/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* (Bản án số: 35/2016/HS-ST)); tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2022 đến ngày 28/12/2022 thì được tại ngoại cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Đinh Xuân D** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Triệu Văn T**, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

Người làm chứng: Anh **Hoàng Khánh T1**, sinh năm 1987. Vắng mặt.

** Người chứng kiến:*

- Chúng Văn S; sinh năm 1987. Vắng mặt.

- Triệu Văn T2; sinh năm 1985. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 19/12/2022 bị cáo Triệu Văn V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97F5-2590 của ông Triệu Văn T từ nhà đi đến xã P, huyện C để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đi đến khu vực ngã ba xã P, bị cáo V gặp một số đối tượng nghiện chất ma túy nên dừng xe hỏi mua ma túy thì họ nói có một người phụ nữ khoảng 35 - 40 tuổi có ma túy bán, bị cáo V gặp được người phụ nữ (không biết họ tên, địa chỉ) tại ngã ba P, người phụ nữ đeo khẩu trang kín mặt. Bị cáo V hỏi mua ma túy thì được người phụ nữ đồng ý bán, bị cáo V đưa cho người phụ nữ số tiền 2.000.000 đồng, người phụ nữ cầm tiền rồi đưa cho bị cáo V một gói ma túy. Do lo sợ khi cầm gói ma túy theo người trên đường về gặp Công an phát hiện thì sẽ bị bắt nên bị cáo V đã nhờ người phụ nữ vừa bán ma túy cho gửi gói ma túy theo xe khách T, chạy tuyến Thái Nguyên - Q, huyện B về cho bị cáo V, người phụ nữ đồng ý, bị cáo V cung cấp tên, địa chỉ và số điện thoại cùng gói ma túy cho người phụ nữ rồi quay xe đi về nhà. Khoảng 17 giờ cùng ngày bị cáo V từ nhà đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông không quen biết ra thôn C, xã Q, huyện B nhận gói hàng (ma túy) từ xe khách T, khi ra đến thì thấy xe khách đã đến nơi, bị cáo V nhận gói hàng (ma túy) từ nhà xe rồi đi bộ về nhà, trên đường về thì bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tổ công tác đã tạm giữ 01 gói bên trong có chứa chất dạng cục, bột màu trắng và niêm phong vào hộp bìa cát tông ký hiệu A1. Ngoài ra, còn tạm giữ của bị cáo V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen, điện thoại đã qua sử dụng.

Đồng thời tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Triệu Văn V, kết quả khám xét không phát hiện, thu giữ thêm đồ vật, tài liệu gì có liên quan đến hành vi vi phạm của bị cáo V.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành mở niêm phong phong bì ký hiệu A1 để cân xác định khối lượng gói chứa chất dạng cục, bột màu trắng thu giữ của bị cáo Triệu Văn V được 3,68 gam (niêm phong trong phong bì ký hiệu B1). Sau đó tiến hành bàn giao cho Phòng K2 Công an tỉnh B để trưng cầu giám định.

Tại Kết luận giám định số: 10/KL-KTHS ngày 25/12/2022 của Phòng K2, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu B1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine có khối lượng là 3,68 g (Ba phẩy sáu tám gam). Sau giám định, mẫu chất trong phong bì ký hiệu B1 còn lại là 3,50 g (Ba phẩy năm không gam) cùng phong bì, bao gói cũ được niêm phong vào phong bì mới ký hiệu T08 và hoàn trả lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B quản lý theo quy định.

Bản Cáo trạng số: 11/CT-VKSBB ngày 20/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Triệu Văn V về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;"

Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo Triệu Văn V theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn V phạm tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy".* Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Triệu Văn V từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, công việc chính là làm thợ xây thu nhập từ 400.000 đồng đến 450.000 đồng/ngày nên đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự phạt tiền bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng: 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu B2 bên trong có chứa hộp cát tông, túi nilon, lớp vải bông, giấy gói cũ dùng để bọc gói ma túy không có giá trị đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01(một) phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T08, bên trong phong bì có chứa: Mẫu vật còn lại sau giám định và phong bì, giấy gói cũ. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn. Mặt trước phong bì có ghi vụ Triệu Văn V (1990) tàng trữ trái phép chất ma túy, ký hiệu "T08", mặt sau có 04 chữ ký không đọc được cùng 02 dấu tròn của phòng K2 Công an tỉnh B đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Oppo. Có ốp bằng nhựa dẻo màu xanh in hoa văn màu đen. Điện thoại cũ đã qua sử dụng. Chiếc điện thoại này là của bị cáo Triệu Văn V không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Tại bản luận cứ bào chữa của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, không xử phạt bổ sung vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Về vật chứng đề nghị trả lại chiếc điện thoại đã tạm giữ cho bị cáo. Về án phí đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Trong phần tranh luận bị cáo đồng ý với bản luận tội của đại diện viện kiểm sát về tội danh, điều luật và mức hình phạt áp dụng và không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có đơn xin xét xử vắng mặt), người làm chứng và những người chứng kiến. Tuy nhiên, họ đã có đầy đủ lời khai tại giai đoạn điều tra, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án của Tòa án. Căn cứ vào Điều khoản 1 Điều 291, Điều 292, khoản 1 Điều 293 và Điều 296 của Bộ luật tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn V đều thừa nhận:

Hồi 17 giờ 50 phút, ngày 19/12/2022, tại thôn C, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy Công an huyện B phát hiện bắt quả tang bị cáo Triệu Văn V về hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, loại Heroine có khối lượng 3,68 gam. Mục đích bị cáo V mua ma túy về chỉ để sử dụng cho bản thân.

Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi nhưng bị cáo vẫn thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến cùng tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Triệu Văn V đã phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo có 01 tiền án (Ngày 21/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* (Bản án số: 35/2016/HS-ST)).

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Trong các giai đoạn tố tụng bị cáo đều *"Thành*

khẩn khai báo, ăn năn hối cải" là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo có ông nội là Triệu Văn K được tặng Huân chương kháng chiến, Huân chương chiến sĩ vẻ vang nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mặt khác góp phần tiếp tay làm gia tăng tệ nạn sử dụng ma tuý và tội phạm khác ở địa phương, gây mất an ninh trật tự, khiến quần chúng nhân dân bất bình lên án, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, do đó cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, công việc chính là làm thợ xây thu nhập từ 400.000 đồng đến 450.000 đồng/ngày nên cần áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng:

- Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 97F5-2590 là xe của ông Triệu Văn T bố của bị cáo V. Ngày 19/12/2022, bị cáo đem xe đi tìm mua ma túy, ông T không biết nên cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện B không tiến hành tạm giữ, xử lý đối với chiếc xe là có căn cứ.

- Đối với vật chứng: 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu B2 bên trong có chứa hộp cát tông, túi nilon, lớp vải bông, giấy gói cũ dùng để bọc gói ma túy; 01(một) phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T08, bên trong phong bì có chứa: Mẫu vật còn lại sau giám định và phong bì, giấy gói cũ. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn. Mặt trước phong bì có ghi vụ Triệu Văn V (1990) tàng trữ trái phép chất ma túy, ký hiệu "T08", mặt sau có 04 chữ ký không đọc được cùng 02 dấu tròn của phòng K2 Công an tỉnh B. Toàn bộ số vật chứng trên không có giá trị sử dụng, cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Oppo. Có ốp bằng nhựa dẻo màu xanh in hoa văn màu đen. Điện thoại cũ đã qua sử dụng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã xác định được chiếc điện thoại này bị cáo chỉ dùng để liên lạc với bạn bè, người thân trong gia đình không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[6] Về vấn đề khác: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn V có khai mua ma túy của người phụ nữ tại ngã ba P không rõ danh tính, họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với ông Triệu Văn T (bố bị cáo) là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 97F5-2590. Ngày 19/12/2022 bị cáo V đem xe đi tìm mua ma túy, ông T không biết nên không có căn cứ để xử lý đối với ông T.

Đối với Hoàng K1 Trường L1 là người đã vận chuyển gói hàng (ma túy) từ người phụ nữ ở ngã ba P chuyển cho bị cáo Triệu Văn V tại Chợ L, xã Q. Tuy nhiên, T1 không biết bên trong gói hàng có chứa ma túy, không biết hành vi mua bán ma túy giữa người phụ nữ và bị cáo V nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; Điều 38; Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Triệu Văn V phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

2. Về hình phạt:

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Triệu Văn V 30 *(Ba mươi)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ đi số ngày bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 19/12/2022 đến ngày 28/12/2022).

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 5.000.000 (*Năm triệu đồng)* đối với bị cáo Triệu Văn V để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số vật chứng không có giá trị sử dụng, cấm tàng trữ, cấm lưu hành gồm: 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu B2 bên trong có chứa hộp cát tông, túi nilon, lớp vải bông, giấy gói cũ dùng để bọc gói ma túy;

01(một) phong bì mẫu hoàn trả đã niêm phong ký hiệu T08, bên trong phong bì có chứa: Mẫu vật còn lại sau giám định và phong bì, giấy gói cũ. Tình trạng phong bì niêm phong còn nguyên vẹn. Mặt trước phong bì có ghi vụ Triệu Văn V (1990) tàng trữ trái phép chất ma túy, ký hiệu "T08", mặt sau có 04 chữ ký không đọc được cùng 02 dấu tròn của phòng K2 Công an tỉnh B.

* Trả lại cho bị cáo Triệu Văn V 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Oppo. Có ốp bằng nhựa dẻo màu xanh in hoa văn màu đen. Điện thoại cũ đã qua sử dụng. Tuy nhiên, tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/3/2023 giữa Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn).

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Văn V.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QL, NVLQ;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- Công an huyện Ba Bể;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Anh Tuấn